

Lập trường an tử trên nền tảng nhân phẩm

The position on euthanasia based on human dignity

Thomas Thiện Nguyễn Văn Chiến, Dòng Xitô Mỹ Ca^{1*}

¹ Học Viện Liên Dòng Phaolo Nguyễn Văn Bình, Vietnam

* Email của tác giả liên hệ: baochiase@gmail.com

<https://doi.org/10.54855/csl.24424>

Copyright (c) 2024 Nguyễn Văn Chiến

Received: 04/05/2024

Revision: 24/06/2024

Accepted: 25/06/2024

Online: 26/06/2024

ABSTRACT

Life today is characterized by diverse developments in science, technology, economy, and medicine, bringing about numerous innovations that improve human life. However, this also leads to negative impacts as spiritual values become commercialized, eroding human moral and ethical reasoning. This has led to the widespread practice of abortion, suicide, and euthanasia as rights. The focus on material needs and superficial pleasures has caused people to lose sight of the meaning of life and to disregard the sacredness of life. In this context, the role of education is to affirm and respect the dignity of human beings, protect the right to life, and emphasize the sacredness of life. Euthanasia violates the life and dignity of human beings, and no form of it is acceptable. Even though patients may face excruciating pain, they must still be respected and supported with pain relief methods that do not affect their consciousness. Our love and care for them are not only a moral duty but also an expression of genuine empathy and respect for life.

Keywords: euthanasia, dignity, education

TÓM LƯỢC

Cuộc sống ngày nay phát triển đa dạng với tiến bộ trong khoa học, kỹ thuật, kinh tế và y học, mang lại nhiều phát minh mới giúp cải thiện đời sống con người. Tuy nhiên, điều này cũng gây ra tác động tiêu cực khi thương mại hóa giá trị tinh thần, làm mất đi tư duy đạo đức và luân lý của con người. Điều này dẫn đến việc phổ biến phá thai, tự sát và an tử như một quyền lợi. Sự tập trung vào nhu cầu vật chất và niềm vui giả tạo khiến con người mất đi ý nghĩa của cuộc sống và không tôn trọng tính thánh thiêng của sự sống. Trong bối cảnh này, vai trò của giáo dục là khẳng định và tôn trọng phẩm giá của con người, bảo vệ quyền sống và nhân phẩm tính thánh thiêng của cuộc sống. Hành vi an tử xâm phạm đến sự sống và phẩm giá con người, và không có hình thức nào của nó là chấp nhận được. Mặc dù bệnh nhân có thể đối mặt với cơn đau đớn, họ vẫn phải được tôn trọng và được hỗ trợ bằng các phương pháp giảm đau không ảnh hưởng đến ý thức của họ. Yêu thương và quan tâm của chúng ta đối với họ không chỉ là một nhiệm vụ đạo đức mà còn là biểu hiện của sự đồng cảm và tôn trọng đích thực đối với cuộc sống.

Từ khóa: An tử, phẩm giá, giáo dục

DẪN NHẬP

Cuộc sống càng ngày càng phát triển đi lên về mọi mặt: khoa học – kỹ thuật, kinh tế, y khoa... nhất là con người có thể làm ra nhiều thứ phát minh hiện đại để phục vụ con người, nhiều loại vắc xin có thể phòng và chữa nhiều loại bệnh hiểm nghèo. Những bước tiến đó, một mặt thăng tiến đời sống nhân loại, mặt khác, đã thương mại hóa các giá trị tinh thần, ảnh hưởng sâu sắc đến tư duy con người, gây nên những tác hại lớn đến đời sống đạo đức, luân lý, khiến con người mất cảm thức về tội lỗi, mất ý thức nhân quyền, nhân phẩm, và nhất là không còn nhận thức về tính thánh thiêng của sự sống con người.

Từ đó, người ta dễ dàng đi đến phá thai, tự sát và tìm đến an tử như một quyền lợi. Người ta dễ dàng chà đạp nhân phẩm của nhau chỉ vì lợi ích của cá nhân mình. Con người làm như thế mà không biết mình đang cổ xúy cho một lối sống thiếu đạo đức, thiếu tình thương, họ tự lao vào một nền văn hóa của sự chết. Sống như vậy, chúng ta còn là một con người nhân linh nữa chăng hay chỉ là một thú vật không hồn? Cuộc sống còn ý nghĩa gì khi ai cũng lo tìm kiếm thỏa mãn những đòi hỏi vật chất, những cuộc vui giả tạo và niềm hạnh phúc chóng qua? Con người dùng lý trí và ý chí tự do Chúa ban chỉ để tạo ra những giá trị vật chất để hưởng dùng mà không biết làm đẹp con người của mình bằng những giá trị thiêng liêng cao quý.

Công việc ưu tiên của các nhà định hướng giáo dục là nhằm tìm kiếm định phẩm giá cao quý của con người và quyền được sống xét con người như một ngôi vị. *Cụ thể là tôn trọng sinh mạng con người ngay từ lúc thụ thai cho đến phút nó kết liễu tự nhiên.*¹ Như vậy, an tử sẽ ảnh hưởng đến phẩm giá con người như thế nào? Bài viết này xin được trình bày: *An tử – ảnh hưởng đến nhân phẩm, xét con người như một ngôi vị.* Bài viết đặc biệt đi sâu vào một số trường hợp cụ thể nhằm rút ra một vài tâm lý của người bệnh khi đối diện với an tử, tại sao đương sự muốn kết liễu sớm sự sống của mình.

I. CON NGƯỜI XÉT NHƯ MỘT NGÔI VỊ

1. Nhân vị

Thánh Irênê phát biểu: *“Vinh quang Thiên Chúa là con người được sống”*. Không chỉ có thế, con người phải hoàn tất ơn gọi làm người với một nhân vị hoàn bị trong tiến trình phát triển nhân bản của nhân loại. Vì thế, chúng ta cần xác định lại, con người không phải là một con vật cũng chẳng phải Thiên Thần, nhưng là một nhân vị cá biệt độc đáo.

Như chúng ta đã biết, lập trường nhân vị là lập trường chủ trương lấy con người làm trung tâm và nền tảng cho mọi thực tại. Cũng có thuyết chủ trương duy nhân quan niệm hạnh phúc con người cốt ở chỗ làm thỏa mãn tối đa những nhu cầu cho cá nhân và cho đại đa số quần chúng, bằng cách làm gia tăng thỏa mãn và sung túc tức thời cho đời sống; đồng thời, cố gắng tìm mọi cách để giảm đi sự bất mãn, cực khổ và thiếu thốn². Nếu bệnh nhân đang trong tình trạng đau khổ cũng chủ trương như thế, nghĩa là tìm thỏa mãn bản thân và tránh đau khổ thì dễ tìm đến an tử như giải pháp cuối cùng giải quyết tình trạng khôn quẫn. Vì vậy, trên lý thuyết cũng như trong thực tiễn, chúng ta không thể chấp nhận lập trường này. Vì như thế là phản

¹ Gioan Phaolo II, *Tiến về Ngàn Năm Thứ Ba*, Roma 1994, tr 237.

² *Đạo đức sinh học*, Nhóm biên soạn, tr 77

nhân vị, thay vì nhân vị giúp tự thể hiện chính mình lại đánh mất chính sự sống con người là nền tảng và nguồn phát sinh nhân vị.

Thật vậy, thuyết nhân vị hiện thực, nhìn nhận nơi mỗi nhân vị một duy nhất tính, một toàn thể hợp nhất xác hồn. Chính cái toàn thể duy nhất ấy tạo nên giá trị khách quan mà mỗi chủ thể phải đảm nhận và công nhận nơi chính mình hoặc nơi nhân vị khác³. Điều này giúp ta nhận định đúng đắn trước thực tại xem ra bất lực nơi bệnh nhân nhưng nơi họ vẫn bảo tồn một nhân vị trọn vẹn và phải dành cho họ một sự tôn trọng xứng đáng trong việc chăm sóc và tiếp xúc trực tiếp với họ.

Rõ ràng, con người sở hữu một bản chất tinh thần mà tự nó hướng về vô biên. Nhưng nếu bệnh nhân tìm đến an tử thì không phải là chọn lấy cái chết như một sự thiện hảo hơn đau khổ mà là một tình trạng trốn tránh thực tại. Và như thế, họ đánh mất chính mình, khước từ sự hiện hữu cá vị của bản thân, cái làm cho họ thực sự là nhân vị. Con người là hữu thể mang giá trị cao cả, cứu cánh tự thân. Nên việc tìm đến an tử mặc nhiên bệnh nhân tự coi thân xác mình như một phương tiện nhằm phục vụ cho một thiện ích trá hình nào đó, trong khi thân xác được liên tục duy trì trong hiện hữu bởi linh hồn, thân xác chỉ trung thành biểu hiện những trạng thái tinh thần. Như thế, khi bệnh nhân tìm đến cái chết êm dịu; đồng thời, phủ nhận giá trị của nhân vị nơi chính hữu thể mình.

Và điểm cuối cùng ta bàn đến, nhân vị là hiện hữu và vẫn còn phải kiện toàn. Nó là một bản thể hiện hữu trong, cho và bởi chính mình, một nguyên lý thường hằng của những hoạt động thân xác. Do nhân vị vẫn còn phải kiện toàn nên từ lúc thụ thai đến lúc chết tự nhiên, tự nó là một tiến trình biến đổi và hướng đến hoàn thiện. Đã hẳn, hoàn thiện không chỉ trong sự trưởng thành thể lý và tâm lý mà còn trong sự phát triển luân lý tự do; nhờ đó, nhân vị quyết định điều gì cho chính mình. Chúng ta dám quả quyết rằng: Không ai có quyền ép buộc trên nhân vị khi tự do thực hành những quyết định của mình và chính Thiên Chúa cũng tôn trọng sự độc lập cá biệt của nhân vị ấy. Điều này đòi hỏi nơi con người, cách riêng các bệnh nhân luôn phải sáng suốt lựa chọn nhằm phục vụ tính nhân bản toàn diện. Nên do cách thức nhân vị đáp trả mà lựa chọn cá nhân quyết định ý nghĩa đời sống, giá trị chân thật và định mệnh vĩnh cửu của nó.

Để kết thúc phần này, cần ghi nhận lời phát biểu chí lý của một triết gia hiện đại: Điều quan trọng không phải là “để chiếm hữu được nhiều hơn”, nhưng là “để hiện hữu cách phong phú hơn”. Cả một đời sống “để chiếm hữu nhiều hơn”, giờ đây nằm bất động, họ “*hiện hữu cách phong phú hơn*” trong sự cảm nghiệm sâu xa những giá trị nhân bản mà chỉ những năng lực tinh thần mang lại. Sự hiện hữu đích thực hệ tại giá trị nhân vị con người. Nhưng điều gì quyết định giá trị nhân vị?

2. Nhân phẩm

Giá trị

Theo Emmanuel Kant, phẩm giá con người là tiền đề cho bất cứ điều gì có giá trị. Về luận lý, sự sống và phẩm giá con người là có giá trị. Phẩm giá chẳng phải là giá trị trong số những giá trị khác, mà đúng ra nó là “nguồn” giá trị. Lẽ đó, phẩm giá cho thấy một điều là nó

³ Sđd, tr. 81.

không được quyền tùy tiện sử dụng để áp đặt lên bất cứ cá nhân nào. Vì thế, *huỷ diệt người khác là hành vi mâu thuẫn, cho dù người ấy yêu cầu rõ ràng mong được chết*⁴.

Do đó, giá trị vô hạn của nhân vị thì không tính toán được, không lấy tiêu chuẩn gì đo lường được, bởi vì nó không nằm ở bất cứ phẩm chất nội tại nào của con người. Nó thấm nhập toàn bộ hữu thể con người. Nó là quà tặng Thượng Đế ban nhưng không. Vì thế, con người không cần cố gắng đạt lấy nó, không bị mất bao giờ, nhân phẩm con người mang giá trị tại thân. Không ai có quyền lấy mất nó của người khác. Nên thật mâu thuẫn khi bệnh nhân lại muốn tự ý tước đi chính giá trị nội tại của nó là tự hư vô hoá chính mình. Chúng ta phải xác tín rằng, không hoàn cảnh nào, động cơ nào hay lợi ích giá định nào có thể biện minh cho một hành vi vốn là sự dữ nội tại.

Chúng ta cần xét vài quan điểm để làm sáng tỏ đâu là giá trị đích thực của nhân phẩm.

Một số quan niệm về nhân phẩm dựa vào giá trị xã hội của con người. Đặt trong bối cảnh của bệnh nhân nằm bất động mất hết tính liên đới hữu hình trong cộng đoàn nhân loại nhưng không vì thế con người mất hết nhân phẩm. Đức Gioan Phaolo II đã khẳng định: “*Mỗi nhân vị chiếm hữu một phẩm giá, và dù cho nhân vị có sống trong trạng huống xã hội và lịch sử cụ thể nào đi nữa, phẩm giá đó không bao giờ bị hạ giá, bị xâm phạm hay bị huỷ bỏ, nhưng trái lại phải được tôn trọng và bảo vệ*”⁵. Như thế, nhân phẩm con người không thể xác định dựa trên giá trị thành quả vật chất mà xã hội đo lường được, nhưng dựa trên giá trị tinh thần. Dù sao đi nữa, vai trò ưu thắng thuộc giá trị tinh thần.

Quan niệm khác cho rằng: nhân phẩm con người được thiết lập nơi khả năng của tự do. Sự tự do được dùng để phục vụ con người và hoàn thành con người do chính việc tự hiến và tiếp nhận tha nhân; trái lại, *khi chiều kích cá nhân chủ nghĩa được tuyệt đối hoá, thì tự do sẽ mất đi ý nghĩa đầu tiên của nó, rồi chính ơn gọi và phẩm giá của nó cũng bị chối bỏ*⁶. Đặt trong bối cảnh của việc chết êm dịu, Đức Gioan Phaolo II còn tuyên bố mạnh mẽ: *Đòi hỏi quyền làm chết êm dịu và công nhận việc hợp pháp ấy thì có nghĩa là dành cho tự do con người một ý nghĩa phi đạo đức và bất công* (số 19). Trong thực tế, con người dùng tự do để tự quyết là che lấp tiếng nói lương tâm mà Thượng Đế đã đặt định trong mỗi người; đồng thời, với sự sống và nhân phẩm con người.

Văn hoá sự sống

Nền văn hoá sự sống trước tiên đề cao giá trị sự sống con người, con người xét như chủ thể mang tính siêu việt, sự sống ấy đến từ Thiên Chúa và được kiện toàn trong tương quan liên chủ thể với tha nhân. Xét trên bình diện hữu thể, con người chẳng khác chi con vật, mặc dù có mức trưởng thành toàn diện cao hơn do sự gia tăng phức tạp tính. Sự sống ấy, không mang tính siêu việt nhưng con người có giá trị, lý do đơn giản, vì *người ấy là một nhân vị* (Gioan Phaolô II). Chính yếu tính này làm nên cái ta gọi là văn hoá sự sống. Cũng vì không xác tín đầy đủ chân lý này, đã diễn ra cuộc tàn sát hàng triệu người Do Thái, chính sách này đã dẫn đến việc tiêu diệt khoảng 100.000 người Đức quốc gốc Aryan gồm cả đàn

⁴ Trần Mạnh Hùng, *An tử - trợ tử dưới nhãn quan Thần Học Luân Lý*, tr 264.

⁵ *Lương Tâm Nhân Loại*, tr. 77.

⁶ Gioan Phaolo II, *Thông điệp Tin Mừng về Sự Sống*, Số 19.

ông, phụ nữ và trẻ em chỉ vì họ bị tật nguyền về tâm lý hoặc thể lý. Tất cả đều bị giết chết nhân danh an tử. Đó là dấu vết tố cáo nền văn hoá sự chết.

Như thế, điều đòi buộc chúng ta phải ý thức rõ về thang giá trị, vì chính giá trị ấy tạo nên nền tảng xã hội. Không có giá trị, không thể xây dựng một xã hội thực sự nhân bản⁷. Bằng chứng là một xã hội coi hiệu quả kinh tế như yếu tố duy nhất xác định cơ cấu xã hội đã khiến những hệ thống ấy quay phản lại con người. Cụ thể, là dần dần hợp thức hoá an tử, vì những bệnh nhân nằm bất động ảnh hưởng trực tiếp đến tiến trình phát triển kinh tế xã hội. Tuy nhiên, một con người (nhân vị) nằm bất động nhưng không làm mất đi nét đẹp văn hoá sự sống, song chính lúc đối diện với sự chết, họ cổ vũ văn hoá sự sống. Chúng ta không thể viện cớ là họ ăn bám xã hội, vô tích sự... nhưng giá trị tinh thần, ý hướng hành vi nhân linh mới thực là sản phẩm của văn hoá.

Do đó, tôn trọng phẩm giá con người không chỉ dựa trên giải thích tự thân sự sống con người mà xét trên bình diện tương quan, nó còn là cách tôn trọng bản thân khi tôn trọng phẩm giá người khác. Chúng ta đòi được người khác tôn trọng cũng như đòi hỏi những đặc quyền đặc lợi; trong khi đó những con người đôi lúc không tự đòi cho mình quyền sống, không có nghĩa là họ không được tôn trọng, như tình trạng bệnh nhân sống đời sống thực vật chẳng hạn. Hiển nhiên, một tương quan chính đáng với tha nhân đòi chúng ta phải có thái độ tôn trọng. Chấp nhận chân lý ấy, chúng ta góp phần xây dựng nền “văn hóa sự sống”; trong đó, mọi phần tử sống, sống cho, sống vì người khác để chính mình được sống dồi dào và hoàn thiện bản thân.

3. Tính mỏng giòn và bất tử

Thân xác

Con người sống, đồng thời, chịu những qui luật chi phối của vạn vật vũ trụ. Vũ trụ vạn vật luôn biến động không ngừng và con người cũng biến đổi về mặt sinh lý, tâm lý được biểu hiện cụ thể nơi thân xác mỏng giòn của con người. Vì thế, dù thân xác con người là một toàn thể thống nhất nhưng nó không phải là một tổng thể hoàn bị, song, luôn biến đổi tùy mức độ mỗi người tác động vào qui luật sinh lý học của nó. Thiên nhiên cũng tác động ngược lại mạnh mẽ trên con người. Bằng chứng là thời tiết thay đổi, thân xác con người trở nên mệt mỏi, đau yếu. Con người thực sự cảm nhận sự mỏng giòn của thân xác mình. Tuy nhiên, không vì thế mà thân xác bị coi rẻ, không thể là ngục tù của linh hồn như triết gia Platon quan niệm. Một con người hoàn hảo không chỉ có xác hoặc chỉ có hồn, nhưng là một tổng thể xác hồn làm nên một ngôi vị.

Hơn nữa, dù thân xác con người là vật chất nhưng không thuần vật chất, nó còn sở hữu một tinh thần siêu việt, nó là một thân xác nhân vị. Khi nói đến thân xác nhân vị nào đó, chúng ta gắn liền với một tên ai đó vì nó là biểu hiện của một nhân vị. Nên, như chúng ta đã khẳng định, dù cho thân xác ai đó nằm bất động, họ vẫn được tôn trọng với tất cả nhân phẩm và quyền lợi khác, đơn giản vì họ là một nhân vị. Vì vậy, thân xác có đó là để phục vụ cho bản ngã thâm sâu của con người. Tất nhiên với niềm tin và ý thức linh hồn bất tử giúp con người có thái độ dứt khoát trước thực tại siêu hình. Như thế, con người sống là sống triệt để trong sự mỏng giòn của đời người và một niềm tin bất tử sâu xa. Sự sống đời sau, tất nhiên tùy

⁷ Gioan Phaolo II, *Tiến về Ngàn Năm Thứ Ba*, Roma 1994, tr 78.

thuộc thái độ sống của chúng ta trong phút hiện tại. Tất cả là vô thường nhưng niềm tin bất tử và đời sống sung mãn mai sau là một sự thực.

Linh hồn

Thật là phi lý, nếu không muốn nói là vô nghĩa, khi con người phải sống và lê lét trong sự bất động, bất lực của thân xác, một bệnh nhân sẽ sống trong tiêu cực và bị quan trọng số phận bị thương của mình. Nếu họ không nhận ra sau cái chết là một mã số đầy ý nghĩa (Jaspers). Mã số ấy, chúng ta có thể trả lời ngay là tính bất tử của linh hồn.

Thực tế cuộc sống cho chúng ta thấy, có những thực tại được chứng minh với những luận chứng chắc chắn và uy tín cao nhưng có nhiều người không đón nhận. Còn lý chứng về linh hồn bất tử chỉ như là cơ sở từ đó tránh sự hàm hồ trong luận lý và triết học. Đặc biệt, đối với niềm tin linh hồn bất tử là một thái độ chấp nhận để đi vào hiện sinh. Nếu như chết là hết thì bệnh nhân có cần phải nhất thiết kéo dài cuộc sống cho tới lúc nó tự tàn lụi, trong khi họ thấy cuộc sống này thật vô nghĩa? Một cuộc chiến nội tâm mang tính quyết định cho đời sống khi đối diện trước thực tại bất tử tính của linh hồn.

Như thế, cho dù thân xác con người có mau qua chóng tàn, bất lực và hữu hạn ấy nhằm nhắc nhở con người vươn lên một thực tại bền vững là cùng đích con người đạt đến. Dù muốn dù không, con người vẫn đối diện với đau khổ là “người bạn” tất yếu của hữu thể gắn liền với vật chất. Thế đâu là giá trị đích thực của đau khổ hầu giúp ta thánh hoá bản thân và đi đến cùng cuộc nhân sinh.

4. Đau khổ và hy vọng

Đau khổ

Người ta thường hiểu và đồng hoá sự dữ với đau khổ. Thật ra, sự dữ bao hàm cả đau khổ, song, cả hai có lối giải thích và giải hoá khác nhau. Một câu trả lời quen thuộc và đơn giản mà người ta thường nói: những gì ta không thích trong cuộc đời mình thì đó là sự dữ; những gì ta thích và ưa chuộng thì được gọi là sự thiện. Điều này, xem ra, khá chủ quan, vì đôi lúc người ta muốn những điều sai quấy đi ngược với mục đích họ đặt ra ban đầu. Có người còn lẫn lộn giữa đau đớn và đau khổ. Chúng ta cần xác định ngay: nỗi đau thì hiện hữu nhưng nỗi khổ thì không. Rõ ràng, nỗi đau còn thấy đó, còn nguyên trên thân thể hay sự bất động của thân xác, nhưng nỗi khổ thì không. Không ai nói nỗi đau khổ của người mẹ trong cơn lâm bồn. Sự thật là, bà có sinh nặng đẻ đau nhưng không vì thế mà bà là người đau khổ. Nỗi đau lúc này lại góp phần để tạo nên một sự sống mới đó là sự thiện.

Như thế phải hiểu nỗi khổ ra sao? Nó là một mong muốn không được thực hiện. Nghĩa là muốn sự việc xảy ra theo ý mình hoặc muốn người khác hành xử theo ý mình và khi chuyện ấy không xảy ra, thì nỗi khổ xuất hiện⁸. Đau đớn thể lý là một phần không thể tránh khỏi của thân phận làm người; nó đáp ứng cho một mục đích thực tế nào đó nhưng nó tác động đến tâm lý con người và có thể trở nên khủng khiếp đến nỗi người ta muốn tống khứ nó bằng bất cứ giá nào. Do đó, nhiều người còn quan niệm: sự sống duy nhất đáng sống là sự sống có “chất lượng”,

⁸ X. Maria Paz Marino, *Cuối Cùng Ta cũng Tự Do*, Bellarmin – desclée de Brouwer, tr 199.

khi sự sống rơi xuống mức thấp thì phải huỷ nó đi⁹. Thật vậy, đau khổ, tự nó sẽ không có ý nghĩa gì nếu không được cảm nhận từ chủ thể. Thiếu kinh nghiệm trong đau khổ sẽ làm con người bất mãn trước thực tại.

Như vậy, ý nghĩa của đau khổ cũng tùy thuộc vào chính kinh nghiệm riêng của mỗi người. Thực tế cho ta thấy, con người trở nên mạnh mẽ hơn khi đối diện với đau khổ trong cuộc sống. Qua đau khổ, nhân cách con người được hình thành và học biết cách để vượt lên nỗi sợ hãi. Người ta có thể nói rằng nếu con người loại bỏ hết những đau khổ, khó khăn trong cuộc đời này, họ đang làm hư hỏng giới trẻ, làm cho chúng ra nhu nhược, yếu đuối khi đối diện với cuộc sống (Michael. D. Moga).

Đối với người Kitô hữu được giáo dục trong đức tin, chúng ta biết rằng đau khổ có thể được biến đổi, nếu chúng ta dâng nó cho Thiên Chúa, đau khổ trở thành phương tiện cứu độ và thành con đường nên thánh giúp chúng ta đạt tới Nước Trời. Do đó, đối với Kitô hữu đau khổ không phải là một lý do để buồn sầu, mà là lý do để vui mừng: vui mừng vì biết rằng trên thánh giá Chúa Kitô, mọi đau khổ đều có giá trị cứu độ.¹⁰

Như vậy, đau khổ trở thành thầy dạy sự khôn ngoan. Nếu không có đau khổ, con người sẽ sống cách ngu dốt khi bỏ quên đi những giá trị tinh thần mà chạy theo những sự thiện giả trá. Đau khổ là cách giúp con người tìm lại thể quân bình khi đã đi quá xa trên con đường hưởng thụ truy lạc. Viễn cảnh này hướng con người đến một thực tại Siêu Việt mà chỉ có trong hành vi đức tin mới được tỏ lộ. Bởi đó, Thomas Merton phát biểu thật chí lý: “Đau khổ tự nó đã là vô dụng và đáng ghét rồi, nhưng nếu lại không có đức tin đi kèm theo nữa, thì nó chính là lời nguyên rủa vậy”¹¹.

Hy vọng của người đau khổ

Con người sống là luôn sống trong hy vọng. Có thể, trong đau khổ con người còn có thể hy vọng. Thật vậy, *khả năng chịu đau khổ tùy thuộc vào cách thế và tiêu chuẩn của hy vọng mà chúng ta có nơi bản thân và chúng ta xây dựng trên hy vọng đó.*¹² Chúng ta thử hỏi: những người đang chịu đau khổ về thể lý cũng như tinh thần, họ hy vọng gì?

Con người không thể sống mà không hy vọng một điều gì tốt đẹp (ít ra là chủ quan), điều này thật cần thiết cho người đau khổ. Trong lúc như thế, người bệnh không những hy vọng được chữa lành (dù rất mong manh) mà còn hy vọng có được một không gian đầm ấm, một sự cảm thông nơi tha nhân. Đó là điều chính đáng. Hy vọng này phần nào nói lên sự khẳng định của họ về sự hiện hữu của mình trong cộng đồng nhân loại. Họ cần sự tôn trọng xứng đáng. Tuy nhiên, cùng đích để cho ta hy vọng không đến từ bên ngoài, không dừng lại ở một sự vật hay một con người nào, nhưng Đấng đó ở bên trên và ở trong chúng ta, đó chính là Thiên Chúa. Do đó, chúng

⁹ X. Trần Mạnh Hùng, *An tử - trợ tử dưới nhãn quan Thần Học Luân Lý*, tr 280.

¹⁰ X. Đức Gioan Phaolo II, *Tiến về ngàn năm thứ ba*, Roma 1994, tr 155.

¹¹ X. Thomas Merton, *Không ai là Một Hòn Đảo*, tr 215 - 216.

¹² Đức Benedicto XVI, Thông điệp *Spe Salvi*, số 39.

ta sống và được mời gọi vươn lên tới Thiên Chúa. *Thiên Chúa mới là nền tảng hy vọng của chúng ta*¹³.

Quả vậy, chỉ trong Chúa, chúng ta mới mong đạt được niềm hy vọng vĩnh cửu. Chỉ nơi Ngài, chúng ta nhận được Ôn cứu độ.

Ôn cứu độ đã được dành sẵn và trao ban từ tay Thiên Chúa như một niềm hy vọng kiên vững nhờ đó, chúng ta mới có thể đối mặt với thực tại. Chúng ta có thể sống và đón nhận thực tại đầy cam go này, nếu hướng đến một mục đích vĩ đại mà nó có thể biện minh cho những cố gắng trên đường đời¹⁴.

Thật phi lý, con người chịu đau khổ chỉ vì đau khổ hay cực chẳng đã phải chịu; mặc dù con người không thể giải thích hoàn toàn về đau khổ nhưng chấp nhận nó như phần tất yếu trong cuộc hiện sinh vì một ý nghĩa cao hơn (sự sống vĩnh cửu) thì nó là biện minh chính đáng.

Nhưng điều gì có thể giúp ta đi đến xác tín đó? Thưa đó chính là “Đức tin”. Chúng ta không thể nhắc đến Thiên Chúa hay kêu cầu Người mà lại phủ nhận đức tin. Đức tin là bản chất của hy vọng, Đức Benedicto XVI đã khẳng định như thế.¹⁵ Nói cách khác, điều thiết yếu để hy vọng phải là đức tin. Thật mâu thuẫn cho những ai hy vọng mà không tin một ai đó hay sự việc nào sẽ được hoàn tất như mình mong đợi. Hơn nữa, đây lại là Thiên Chúa, Đấng là nền tảng cho niềm hy vọng của ta.

Tuy nhiên, khi đối diện với thực tế lại không dễ dàng chút nào, thái độ sợ hãi luôn làm ta mất dần cảm thức hy vọng. *Sự dữ tột hại nhất là tuyệt vọng* (Đức Gioan Phaolo II) và hệ lụy của nó là buông xuôi, thờ ơ, vô cảm... Chúng ta không thể để thất bại lớn nhỏ trong đời sống làm giảm ý nghĩa của hy vọng vĩ đại. Chúng ta phải khẳng định rằng Thiên Chúa vẫn đồng hành với con người trên mọi nẻo đường trong cuộc vươn lên của nhân loại. Thiên Chúa đã nhập thể, chịu đau khổ, sống chan hoà yêu thương và trở nên giống anh em mình trong mọi sự (chỉ trừ tội lỗi). Ngài đã chịu đau khổ nhưng đầy hy vọng phục sinh. Chính niềm hy vọng của người đau khổ sẽ biện minh cho họ khi đối diện với thực tại và lý do chọn an tử hay không.

Cái chết êm dịu (an tử) luôn rình rập và lấn át những quyết định của người đau khổ. Lúc này không ai có thể dạy họ một khoa đức tin nào nữa, nhưng quyết định của họ nói lên rằng, họ đã “chạm đến Chúa Giêsu” chưa? Nói cách khác, chính cảm nghiệm tình yêu Chúa nơi bệnh nhân sẽ quyết định cho sự sống còn của họ. Khi họ đã thực sự cảm nghiệm tình Chúa yêu thương như kinh nghiệm thiêng liêng của thánh Têrêsa hay Camelo, thì đau khổ cả đến cái chết (tự nhiên) đối với các ngài là một mối lợi để gặp Đức Giêsu thực sự.

Cuối cùng, sự dữ, đau khổ và cái chết chỉ được trả lời thoả đáng nơi Thiên Chúa trong Đức Kitô Giêsu. Và nói như thánh tiến sĩ Ambrosio: “Tất cả chỉ là phương tiện giúp ta đạt đến Ôn Cứu Độ”.

¹³ Đức Gioan Phaolo II, *Tin Tưởng và Hy Vọng*, số 210.

¹⁴ Đức Benedicto XVI, *Spe salvi*, số 1.

¹⁵ X. Đức Benedicto XVI, *Spe salvi*, số 10.

II. SỰ SỐNG CON NGƯỜI

1. Tính siêu việt của sự sống con người

Tính duy nhất

Sự sống nơi một người là sự hoà hợp hỗ tương giữa thân xác và linh hồn để tạo thành chính họ là thực thể duy nhất. Thật vậy, thân xác không có linh hồn là một thầy ma, cũng như linh hồn không gắn chặt với chất thể là tinh thần thuần. Chính sự kết hợp bất khả phân giữa xác và hồn tạo nên một nhân vị độc đáo. Vì vậy, tôi là tôi và không thể thay thế cho một ai khác. Không thể có kiểu nói: người này hơn người kia (một cách tuyệt đối); mà không dẫn đến hàm hồ trong tương quan với các nhân vị. Chúng ta không thể chấp nhận sự so sánh sự sống của người này hơn sự sống người khác trong mức độ hiện hữu của họ, không thể coi một vị chức sắc nào đó nằm bất động chẳng hạn, lại được coi trọng hơn bệnh nhân khác, vì phẩm giá của mọi người đều phải được thừa nhận dựa trên tính duy nhất của sự sống con người. Những người ủng hộ an tử lập luận rằng: *Những sự sống nào không đạt được chất lượng xứng hợp thì không đáng được bảo vệ hoặc ít được chăm sóc và bảo vệ hơn những sự sống có được phẩm chất hơn.*¹⁶

Rõ ràng, sự sống con người thì vô giá không thể đo lường bằng cách thể hiện hữu của các nhân vị mà quyết định an tử người này hay không an tử người kia. Sự sống ấy vô giá không phải do một xã hội nào đủ thẩm quyền để thiết định nhưng tự sự sống là một thực tại vượt quá những gì chúng ta cân, đong, đo, đếm được như thân xác cụ thể.

Song, khoa tâm lý học cho chúng ta một khẳng định rằng, con người không thể hoàn toàn ý thức mình trong một tình trạng hợp nhất xác hồn hoàn toàn mà còn chịu tác động vào hoàn cảnh cụ thể. Bởi đó, các nhân vị cần được hoàn bị nhờ nhân vị khác trong sự tôn trọng tính duy nhất, độc đáo và không thể thay thế của sự sống mỗi người.

Chân tính

Chân tính của sự sống con người được định nghĩa là sự phù hợp của trí năng với hữu thể (sự sống ấy). Thực tại này chỉ được giải thích nơi Thượng Đế, vì sự sống con người được thực hiện bởi ý tưởng của Thượng Đế và lấy mẫu mực ở trí năng Ngài. Nơi Ngài chân tính đạt mức tuyệt đối và con người thông ban sự sống ấy cho con người cách siêu việt và chân thực.

Nhưng do ảnh hưởng của thuyết Duy vật trong thế giới ngày nay, sự sống con người đã bị giản lược vào những gì họ có, thủ đắc được; và khi con người bị giảm thiểu hoặc mất khả năng chiếm hữu, họ bị liệt vào hàng vô dụng. Đó là một trong những luận chứng hợp thức hoá an tử; trong khi sự sống ấy vẫn triển nở một cách âm thầm nơi Thượng Đế trong một cách thể hoàn bị nào đó (không thuộc thẩm quyền đánh giá của con người). Như thế, sự sống siêu việt nơi nhân vị ấy không ai được quyền tước đoạt.

Thiện tính

Ngoài ra, con người còn mang trong mình bản tính thiện và tuyệt đối. Tuyệt đối không phải hiểu như duy nhất con người có sự sống mà tuyệt đối vì chính chủ thể không được quyền

¹⁶ Đạo Đức Sinh Học, tr.120.

hư vô hoá sự sống ấy. Thật vậy, con người được quyền sử dụng và làm triển nở sự sống chứ không được quyền định đoạt. Bởi đó, chúng ta cần xác định quyền chủ thể nơi con người. Thực sự, con người được tham dự quyền chủ thể với Thượng Đế; nhưng không vì thế, con người được quyền định đoạt mọi sự (bằng chứng là cái chết nói lên sự hạn chế của con người). Quyền chủ thể của con người không tuyệt đối, nó chỉ là một thừa tác vụ¹⁷, nghĩa là sự sống ấy được ban cho mỗi người và mỗi người có nhiệm vụ bảo toàn mạng sống ấy. Vì quyền được sống là nền tảng cho mọi quyền khác phải được mọi người tôn trọng với tất cả thiện tính của nó.

Con người tất yếu quyết định một điều thiện là thiện khi nó phù hợp với tiêu chuẩn thiện tính của con người. Tiêu chuẩn của bệnh nhân lúc này là vì tình bác ái, vì sợ phiền lụy đến người khác (thật ra, nó chỉ là sự thiện bên ngoài), thì trí năng trả lời cho ý chí “nó là tốt”, ý chí lao vào và thế là bệnh nhân quyết định an tử. Trong khi đó, nó chỉ là sự thiện bề ngoài, mang dáng dấp sự thiện nhưng hoàn toàn nguy hiểm cốt để đạt mục đích là cái chết êm dịu.

Xét trên bình diện hữu thể học, sự thiện mà mọi hữu thể nhắm đến là: bảo toàn sự hữu hoặc gia tăng sự hữu hoặc thông chia sự hữu của mình. Như chúng ta biết, bản tính của mọi sự vật cũng như con người là hướng về hiện hữu (sự sống). Sự sống là sự thiện mà mọi vật tự nhiên ưa thích. Vì thế, việc bệnh nhân tìm đến an tử chỉ là một nguy trạng sự thiện. Do đó, chúng ta không thể chấp nhận việc hợp thức hóa an tử dưới hình thức nào vì điều đó đi ngược thiện tính của con người.

2. Luân lý sự sống con người

Luật luân lý là luật chi phối toàn bộ đời sống con người; trong đó, luân lý sự sống giải thích và là cơ sở cho mọi lập luận; trước tiên, là tính bất khả xâm phạm của nó.

Tính bất khả xâm phạm

Thiên Chúa là tác giả của sự sống. Song, Giáo hội bảo vệ quyền được sống không những vì có liên quan đến Tạo Hoá, Đấng ban sự sống mà còn vì tôn trọng sự thiện hảo thiết yếu của nhân vị con người (Gioan Phaolo II). Chúng ta không ngừng khẳng định mình giống hình ảnh Thiên Chúa, nếu Ngôi vị Thiên Chúa bất khả xâm phạm thì nhân vị con người cũng thế.

Như vậy, xét tự thân sự sống con người cũng bao hàm tính bất khả xâm phạm. Vì cuộc sống trần gian của mỗi con người là một thực thể thiêng liêng¹⁸. Thật thế, sự sống con người được đóng ấn không thể phai mờ bởi một chân lý của chính nó (số 48) là tính thánh thiêng. Tính thánh thiêng, tính cá biệt và sự hiện hữu riêng nơi chính mình là 3 đặc tính hình thành nhân vị. Tất cả làm nên luận chứng chắc chắn cho quyền bất khả xâm phạm của con người.

Tuy nhiên, tính bất khả xâm phạm không được lạm dụng, nghĩa là con người không được nhân danh dưới bất cứ chiêu bài nào phủ nhận nó. Trong thực tế, nét luân lý này bị giải nghĩa sai lạc khi con người nhân danh từ bi, bác ái mà thể hiện lòng trắc ẩn bằng cách giết chết “vì lòng thương xót”. Dù rằng, đó là một đức tính tốt, là một nét đẹp trong đời nhân xử thế, nhưng nhiều lúc cũng dẫn đến sai lầm nếu thể hiện không đúng lúc đúng chỗ. Do đó, lòng trắc ẩn dù

¹⁷ Đức Gioan Phaolo II, *Tin Mừng Sự Sống*, số 52.

¹⁸ Đức Gioan Phaolo II, *Thông điệp Tin Mừng Sự Sống*, Số 2.

có đáng ca ngợi đến đâu, tự nó không thể là lý do biện minh cho hành động luân lý. Vì lòng trắc ẩn nào mà dẫn đến việc kết liễu mạng sống của người đau khổ, khi đó nó không còn là một hành vi thương xót đúng nghĩa nữa. Quả vậy, quyền được sống là một điều chính đáng của mỗi người.¹⁹ Họ xứng đáng vì tính thánh thiêng của sự sống họ. Không phải do một cá nhân nào gán cho, nhưng nó là cơ sở cho việc bất khả xâm phạm sự sống con người, vốn mang tính nội tại; và nếu Thiên Chúa là nguyên lý phát sinh sự sống con người thì chúng ta không thể giải thích gì khi tách lìa khỏi nền tảng ấy.

Như thế, một vấn đề phát sinh, một khi không ai có quyền xâm phạm sự sống người khác, chính họ có toàn quyền tự quyết sự sống mình không?

Tính tự quyết

Trước hết, chúng ta phải hiểu tính tự quyết là gì? Tính tự quyết được hiểu là quyền tự do khỏi những áp lực bên ngoài và có các khả năng tinh thần như hiểu biết, lên kế hoạch và ra quyết định. Tự quyết của một tác nhân trong hành động là không chịu lệ thuộc bởi sự kiểm soát có tính cưỡng bức của người khác. Nói chung nó đi với hai nhân tố: một là nhận thức để việc chọn lựa quyết định được đặt nền tảng trên sự hiểu biết các thông tin thích đáng về những gì sẽ làm. Hai là tự nguyện: để làm một quyết định tự nguyện, không bị thúc đẩy bởi những cưỡng ép bên trong, hoặc đe dọa, bắt buộc hay bị điều khiển bởi người khác.²⁰

Sau nữa, chúng ta phải hiểu quyền tự quyết này có những giới hạn nào? Quyền tự do quyết định này bị giới hạn trong ba điểm: tự do lệ thuộc điều kiện tính, tự do đi kèm với trách nhiệm, tự do chịu tác động của các yếu tố tâm lý. Như thế, chúng ta minh nhiên khẳng định tự do con người chỉ mang tính tương đối. Dù vậy, quyền tự quyết của mỗi người phải được tôn trọng. Nhưng chúng ta cần phải hiểu, mình đang tôn trọng cái gì và tại sao phải tôn trọng quyền tự quyết nơi con người?

Tôn trọng một người tự quyết, tất nhiên công nhận người ấy có quyền bày tỏ lập trường, có quyền lựa chọn và hành động theo giá trị và niềm tin riêng tư. Điều này, bao hàm cả việc khuyến khích họ thực hiện hành vi tự quyết với tư cách là một nhân vị trưởng thành. Thật vậy, tự quyết là hành động không có sự ép buộc, dựa trên lý trí và phù hợp với những giá trị và qui tắc đạo đức riêng tư. Tuy nhiên, đôi khi chúng ta buộc phải thuyết phục người khác, khi họ có quan điểm sai lạc và thiếu chín chắn. Dù sao, quyền tự quyết không phải là giá trị duy nhất, nó phải được xem là việc thiết lập một thẩm quyền vững chắc, để kiểm soát vận mạng con người. Do đó, quyền này không bao hàm việc con người được tự do làm bất cứ thứ gì.

3. Sự sống của con người tại thế

Khi sinh ra con người đã bị ném vào vũ trụ và chịu sự chi phối của chúng. Các triết gia hiện đại cũng cho ta một định nghĩa về con người rất hiện sinh: con người là hữu thể tại thế, mà một hữu thể tại thế thì bao gồm 3 tương quan: *tương quan siêu vị, liên vị, bản vị*.

¹⁹ X. GLCG Số 2270.

²⁰ X. Phạm Văn Tú, *Thực hành y khoa và vấn đề an tử - trợ tử dưới nhãn quan luân lý công giáo*, An tôn và Đức sáng, 2006, tr 96.

Hướng về Thiên Chúa (tương quan siêu vị).

Tự bản chất con người là một hữu thể hướng về vô biên. Đáng ấy không ai khác đó chính là Thiên Chúa. Chỉ khi trở về với Người chúng ta mới hoàn thành trọn vẹn ơn gọi làm người của mình. Trong cuốn “Tự Thuật” của mình, thánh Augustino diễn tả hết màu nhiệm ơn gọi này: Chúa đã dựng nên chúng con cho Chúa nên lòng chúng con khắc khoải cho đến khi nghỉ yên trong Chúa. Tuy nhiên, con người là một hữu thể hữu hạn, luôn bị chi phối bởi nhiều yếu tố vật chất. Đứng trước đau khổ, bệnh tật, nhất là trước cái chết... con người không tránh khỏi những cảm giác sợ hãi, lo lắng, thậm chí mất đức tin chỉ vì cảm được sự hữu hạn của mình và không nhận ra tình thương của Chúa trong cuộc đời.

Trái lại, nếu một người luôn có niềm tin vào Thiên Chúa thì cho dù đứng trước cái chết sắp xảy đến cho mình, họ vẫn luôn bình an và tin thác cuộc đời mình cho Ngài. Chính khi đó đau khổ đối với họ đôi khi là một phương thế để họ được thông phần vào cuộc đau khổ thập giá với Chúa Giêsu Kitô. Với ý thức lớn lao và niềm tin sống động đó, họ cảm nhận sự sống là ân huệ Chúa ban, còn sống giây phút nào là sống cho Chúa và có chết cũng là chết cho Chúa, dù sống dù chết, mình vẫn thuộc về Chúa (Rm14,8). Chết cho Chúa nghĩa là gì nếu không phải là sống sự chết của mình như một hành vi tận hiến trọn hảo vì lòng tuân phục Chúa Cha noi gương Chúa Giêsu.

Điều chúng ta đã khẳng định: *sự sống là sự thiện* vì nó có trong trí năng Chúa, thì sự chết đến như ý Chúa muốn, hóa ra Chúa muốn hư vô hóa sự thiện là sự sống nơi con người sao? Nếu chết là hết thì lập luận của ta hợp lý và vững chắc. Nhưng chết là “sinh thì” là thời gian sinh ra trong vĩnh cửu mà ai có thể dẫn chúng ta từ thời gian bước vào vĩnh cửu nếu không phải là Đấng Vĩnh Hằng, chủ tể thời gian. Ý thức tầm quan trọng của khoảnh khắc này, Đức Pio XII phát biểu: “*Ngoài những bốn phận luân lý và trách nhiệm gia đình thì bệnh nhân còn phải dọn mình với ý thức đầy đủ để gặp Chúa Kitô*”²¹.

Như thế, *đau khổ, nhất là đau khổ trong những phút cuối đời, có một vị trí đặc biệt trong chương trình cứu độ của Chúa*²². Chính khi đối diện với cái chết mà điều bí ẩn về số phận nhân sinh đạt tới cao điểm²³. Thiết nghĩ, đó là sự thành toàn ơn gọi làm người của một con người.

Hướng ra tha nhân (tương quan liên vị)

Tôma Merton nói: Sống không ai là một hòn đảo. Như vậy, con người sống là sống cùng và với người khác. Một bệnh nhân trong cơn hấp hối xem như dấu chỉ tách ra khỏi mối liên hệ hữu hình với cộng đồng nhân loại. Trong những giây phút đó, họ rất cần đến chúng ta, trước hết là những thành viên trong gia đình, bạn bè, làng xóm biết quan tâm, chia sẻ, động viên để bệnh nhân cảm được tình yêu thương thay vì cảm thấy mình như là một gánh nặng. Rồi đến đội ngũ các Y-Bác sĩ, những người luôn trực tiếp với bệnh nhân biết tôn trọng sự sống con người, thể hiện nhân đức hành nghề của mình “*lượng y như từ mẫu*”, hơn nữa phải là người đem lại niềm hy vọng ngay lúc bệnh nhân bị thử thách muốn co cụm lại trong thất

²¹ Đức Pio XII, *Diễn từ gửi đại học Quốc Tế Chuyên Viên Gây Mê*, 24-11-1957.

²² X. Thánh Bộ giáo Lý Đức Tin, *Tuyên Ngôn An Tử*, phần II. Trích từ Trần Mạnh Hùng, *An tử - trợ tử dưới nhãn quan Thần Học Luân Lý*, tr 328.

²³ X. Cđ Vatican II, *Hiến Chế mục vụ Vui Mừng và Hy Vọng*, số 18.

vọng và như muốn tự huỷ diệt mình. Không hẳn họ hy vọng là mình được chữa lành nhưng hy vọng sự tận tình của người khác trong mọi nhu cầu cấp thiết hầu mình được an tâm và sẵn sàng chấp nhận những gì xảy đến ngay cả cái chết đang chờ họ. Hy vọng là cách tốt nhất giúp sống sung mãn giây phút hiện tại.

Mặc dù, các y bác sĩ quan tâm chăm sóc, nhưng họ cũng chỉ là những chuyên viên điều trị, tuy gần gũi nhưng vẫn xa cách. Bệnh nhân có thể tạo được những tương quan mới với những người đồng cảnh ngộ. Giữa người bệnh với nhau, họ nghe nhau kể về bệnh tình và âm thầm động viên nhau. Quả thật, con người chỉ có thể là mình khi liên lạc với đồng loại. Bệnh nhân dễ nổi loạn chống đối, thoái thác cho việc đặt họ trong một không gian ngột ngạt: một mình đối diện với bệnh tình và cái chết. Cách nào đó, chúng ta chịu trách nhiệm về đời sống của họ. Vì chúng ta sống là sống với, sống cùng và sống cho người khác. Đó là nét đẹp mang tính xã hội chỉ có hữu thể trí năng mới đạt được.

Là một Kitô hữu, chúng ta được mời gọi: Hãy yêu thương tha nhân như chính mình (Mc 12, 29). Tình yêu đó không cho phép chúng ta chọn người này hay người kia để phục vụ vì tất cả đều là hiện thân Chúa Giêsu. Rosenzweig phát biểu: *“Hình hài đau khổ của nhân loại đã in hằn trên chính ‘Dung nhan’ của Thiên Chúa”*. Hay nói cách khác, đau khổ của Ngài đã cụ thể hoá và sống động nơi tha nhân, đến nỗi Ngài và tha nhân, cả hai là “một”. Do đó, Chúa Giêsu đã nói: *“Mỗi lần các người làm cho một trong những anh em bé nhỏ nhất của Ta đây, là các người đã làm cho chính Ta vậy”* (Mt 25, 40). Như thế, chúng ta không còn lý do để từ chối phục vụ Chúa trong tha nhân.

Như vậy, con người sống phải cần đến nhau. Sự hỗ trợ đó là bản chất của một hữu thể nhân linh, có lý trí, có tự do và tình yêu. Hơn hết, một hữu thể nằm trong tình trạng bất động luôn cần đến sự giúp đỡ và quan tâm đến chúng ta. Đừng tiếc một ánh nhìn thân thiện, một cử chỉ quan tâm và một lời nói khích lệ bệnh nhân khi họ cần đến.

Chiều kích bản thân (tương quan bản vị)

Khi bệnh nhân trở về với lòng mình, cảm nhận trước tiên là sự bất lực đối với bản thân, sự mỏng giòn trong thân phận con người như chúng ta đã bàn đến phần trên. Nhưng nhìn lên Chúa Giêsu, họ nhận ra mình chưa trọn tình. Vì thế, *họ muốn bớt đi việc dùng thuốc giảm đau, ngõ hầu chấp nhận cách tự nguyện ít ra là một phần đau khổ của mình và kết hợp cách ý thức với đau khổ của Chúa Kitô chịu đóng đinh*.²⁴ Đây không phải là trường hợp phổ biến nhưng đòi hỏi một nhân đức anh hùng, với một ý thức dâng hiến trọn vẹn. Theo Nhân học, đó là một tư thế trường tồn được góp nhặt từ những tư thế mau qua với những tác động dâng hiến trong thời gian để tiến về vĩnh cửu, chấp nhận dâng hiến tất cả để gặp Đức Kitô với lòng thanh thoát.

Thêm nữa, bệnh nhân cảm giác được an toàn nhờ lãnh nhận những bí tích sau cùng như hành trang tiến về nhà Cha. Điều này đòi hỏi bệnh nhân một nỗ lực rất lớn trong đời sống đạo gương mẫu. Ước ao của họ là được nên đồng hình đồng dạng với Đức Kitô trong đau khổ và hy vọng được vinh quang với Ngài. Họ ý thức rằng có sự sống đời sau và nó được lượng giá từ thái độ sống đời này trong ý thức tự do sống từng tác động hành vi nhân linh. Thiết tưởng, đó

²⁴ X. Bộ giáo lý Đức Tin, *Tuyên Ngôn về An Tử*, phần III. Trích từ Trần Mạnh Hùng, *An tử - trợ tử dưới nhãn quan Thần Học Luân Lý*, tr 329.

là niềm an ủi cho những người đang chấp nhận đau khổ lâu ngày trên giường bệnh. Đó là thông điệp Tin mừng sự sống dành cho mọi người tin. Chúa Giêsu chấp nhận đi đến cùng cái chết, Đấng đã chịu đau khổ, hơn nữa, Đấng vô tội chịu xử án bất công. Ngài trở nên gương mẫu và chính phần thưởng gia nghiệp đời đời cho chúng ta.

III. LẬP TRƯỜNG CỦA GIÁO HỘI VỀ AN TỬ - VÀI NHẬN ĐỊNH CÁ NHÂN

1. Giáo huấn của giáo hội về an tử

Quan điểm về nhân vị con người

Đức Gioan XXIII đã xác tín rằng Giáo hội Công giáo có một ánh sáng quan trọng để chia sẻ cho mọi người, một ánh sáng mà thế giới đang khẩn thiết cần có. Giáo hội đã dành mối quan tâm đặc biệt tới con người và dành cho con người vị trí trọng tâm. Trong viễn tượng đó, con người là con người toàn diện, được Vatican II triển khai trong hiến chế “Vui mừng và Hy vọng” khi khẳng định phẩm giá con người dựa trên lý trí, tự do và lương tâm²⁵. Một mặt, con người là một sinh vật trong thiên nhiên và là một phần của thế giới vật chất, nhưng đồng thời lại vượt trên nó nhờ lý trí và tự do, qua đó con người có khả năng hiểu biết thiên nhiên, biến đổi và làm chủ nó. Mỗi người đều có phẩm giá riêng làm cho họ luôn luôn là một giá trị tự nơi bản thân mình và cho bản thân mình; nhờ phẩm giá đó, họ vượt trên thế giới vật chất về mặt giá trị.²⁶ Mặt khác, phẩm giá đó mang tính Siêu việt, vì đã được kết hợp với Thiên Chúa nơi Đức Kitô, Ngôi Lời Nhập Thể. Phẩm giá đó không thể bị xóa bỏ bởi chính đương sự cũng như không thể bị xâm lấn bởi xã hội. Chính phẩm giá đó là nhân vị trong tư cách là hình ảnh Thiên Chúa, tương quan này khoa học tự nhiên hay nhân văn không thể nào hiểu thấu.

Tuy nhiên, con người không thể có sự hiểu biết toàn vẹn, nếu không quy chiếu về Thiên Chúa, là mục tiêu phấn đấu, là cơ sở của những tìm kiếm và hy vọng của con người. Vì mang chiều kích siêu việt, hướng về cái hơn cả chính mình, con người không thể bị giam trừ hay định giá ở tình trạng hiện nay của nó, hoặc những gì nó đã làm cho tới nay, do bởi nó là một ngã vị trong tương quan với Thiên Chúa, nguồn mọi khả tính.

Ngoài ra, Công đồng còn khẳng định thêm: Con người là tác giả, là tâm điểm và là cứu cánh của tất cả đời sống kinh tế, xã hội²⁷. Bất kỳ một thể chế nào chỉ căn cứ vào các yếu tố kinh tế để quyết định những mối quan hệ xã hội, đều nghịch với bản chất con người và của các hành vi nhân linh²⁸. Toàn bộ Giáo huấn Xã hội của Giáo hội đặt nền trên chính phẩm giá con người dưới ánh sáng đức tin. Đây là thước đo để phê phán tất cả đường lối chính sách, cơ cấu, kế hoạch về phát triển, kinh tế và xã hội... xem có phù hợp hay đối nghịch với phẩm giá đích thực của con người.

²⁵ X. Cđ Vatican II, *Gaudium et Spes* số 15-17.

²⁶ X. Phạm Văn Tú, *Thực hành y khoa và vấn đề an tử - trợ tử dưới nhãn quan luân lý Công Giáo*, tr 141.

²⁷ X. Cđ Vatican II, *Gaudium et Spes*, số 63.

²⁸ X. Gioan Phaolo II, Thông điệp *Centesimus Annus* (1/5/1991), số 24.

Ý nghĩa sự sống và cái chết của con người

Khởi đi từ quan niệm nhân vị con người dưới cái nhìn đức tin: Mọi sự sống con người, từ giây phút thụ thai đến tất cả các giai đoạn theo sau là thánh thiêng do bởi sự sống con người được sáng tạo theo hình ảnh và giống như Thiên Chúa, nên Giáo hội coi sự sống con người có giá trị vô hạn. Vô hạn bởi sự sống con người là quý giá vì nó là quà tặng của Thiên Chúa, của tình yêu vô hạn của Ngài, và khi trao ban sự sống là Ngài trao ban mãi mãi.²⁹

Bởi đó, con người không là tác giả của sự sống mình, cũng không là người quyết định cái chết của mình, nhưng chính là Thiên Chúa, Đấng trao ban mọi sự sống. Cái chết được chấp nhận không chỉ như một kết thúc không thể tránh được, nhưng còn như cửa dẫn vào sự sống vinh quang; tình trạng hiệp nhất giữa linh hồn và thân xác đã được biến đổi trở nên vinh quang.³⁰ Thật vậy, sự sống của mỗi một con người là thánh thiêng và bất khả xâm phạm vì chính Ngài ân cần chăm sóc nó. Nên sự sống và sự chết của con người ở trong tay Thiên Chúa, chỉ có Ngài mới có quyền cho sống hay chết, và ngoài Người ra không ai có quyền ấy.

Khi tìm kiếm một cái nhìn toàn diện về sự sống, người ta phải đối diện với câu hỏi về sự chết. Sự chết trong ý nghĩa toàn vẹn của nó phải được nhìn trong viễn ảnh của tạo thành, của sa ngã và cứu chuộc. Cái chết thể lý nhận được ý nghĩa của nó từ chọn lựa căn bản đối với niềm tin vào sự chết và Phục Sinh của Đức Kitô, hoặc từ việc chối bỏ ơn cứu độ³¹. Là người Kitô hữu khi đứng trước cái chết bất khả kháng, họ có niềm tin phó thác mọi sự trong tay Chúa, họ không phản kháng nhưng vâng phục ý Ngài cách trọn vẹn. Với ý nghĩa vâng phục đó, chúng ta cùng với thánh Phaolô đồng dạc thốt lên: “*Đối với tôi, sống là Đức Kitô và chết là một mối lợi*” (Pl 1, 21).

Tuy nhiên, dù với cái nhìn đức tin chúng ta hiểu rằng cái chết là điều không thể tránh khỏi, thậm chí cái chết được xem là điều cần thiết, nhưng khi đối diện trước những giây phút kinh hoàng ấy thì đau và khổ vẫn luôn dày vò con người và khiến chúng ta thoái chí. Vậy phải hiểu đau khổ và bệnh tật đó như thế nào?

Ý nghĩa đau khổ và bệnh tật

Đối với những người ủng hộ hợp pháp hóa an tử và trợ tử, họ thường biện luận rằng: đau khổ chẳng có ý nghĩa gì, rằng đau khổ là sự dữ tuyệt đối nên việc giải tỏa đau khổ có thể biện minh được, cho dù nó có thể làm cho cái chết đến sớm hơn. Ta còn thấy luận cứ của các tôn giáo “tự nhiên” và các nhà lập thuyết theo cảm tính. Theo họ, sự sống duy nhất đáng sống là sự sống có chất lượng. Khi sự sống rơi xuống mức chất lượng thấp thì phải hủy nó đi.³² Đó là một quan niệm sai lầm trầm trọng về con người. Phản bác lại lập trường trên, Giáo hội qua *Evangelium Vitae* cho rằng, sự sống chẳng phải là vô nghĩa. Đau khổ là một phần không thể tránh khỏi trong cuộc sống và cái chết. Giáo hội giải thích rõ cho chúng ta về ý nghĩa đau khổ như thế này:

²⁹ X. Phạm Văn Tú, *Thực hành y khoa và vấn đề an tử - trợ tử dưới nhãn quan luân lý Công Giáo*, tr 144.

³⁰ X. Trần Mạnh Hùng, *An tử - trợ tử dưới nhãn quan Thần Học Luân Lý*, tr 278.

³¹ X. Phạm Văn Tú, *Thực hành y khoa và vấn đề an tử - trợ tử dưới nhãn quan luân lý Công Giáo*, tr 145.

³² X. Trần Mạnh Hùng, *An tử - trợ tử dưới nhãn quan Thần Học Luân Lý*, tr 280.

Đau khổ, nhất là đau khổ trong những giờ phút cuối cùng của cuộc đời, có một vị trí đặc biệt trong chương trình cứu độ của Thiên Chúa; quả thật chịu đau khổ là thông phần với cuộc khổ nạn của Chúa Kitô và là sự hiệp nhất với hy tế cứu chuộc mà Ngài đã dâng lên trong sự vâng phục thánh ý Chúa Cha. Vì thế, chớ ai lấy làm ngạc nhiên nếu một số Kitô hữu muốn bỏ đi việc dùng thuốc giảm đau, ngỡ hầu chấp nhận cách tự nguyện ít ra là một phần những đau khổ của mình, và vì vậy kết hợp một cách có ý thức với những đau khổ của Chúa Kitô chịu đóng đinh.

Qua đó, Giáo hội cho ta hiểu đau khổ có một giá trị cứu rỗi vì nó được xem như dự phần mang tính cứu rỗi vào sự đau khổ của Chúa Kitô. Tuy nhiên, sống trong một xã hội sợ sệt cái chết thì thái độ như thế xem ra có vẻ mang tính anh hùng không cần thiết, thậm chí không thể hiểu nổi. Thực sự khó mà giải thích cho những người ngoài Kitô giáo hiểu thấu ý nghĩa sự sống và sự chết theo cái nhìn của Công giáo. Nhưng một điều chúng ta có thể làm là nói cho họ biết: Chết không phải là hết; chết không phải trở về với hư vô. Hiểu được như thế, con người mới hiểu được giá trị của đau khổ, mới thắp lên ngọn lửa hy vọng cho tương lai, mới biết trân quý mạng sống của mình. Bởi mọi tạo vật được sinh ra là để quay về với Đấng tạo thành. Chính Người là cùng đích của đời sống chúng ta.

2. Vài quan điểm cá nhân

Trước hết, cùng với Giáo hội bản thân người viết cũng quả quyết lại: An tử là một điều sai trái và đi ngược với nhân phẩm con người.³³ Cho dù nó được bọc bởi một lớp vỏ được cho là thương xót hay nhân đạo đi nữa, nó vẫn là một việc làm trái luân lý, đồng thời là hành vi cướp quyền chủ tể sự sống của Thiên Chúa. Bản phận của mỗi người chúng ta là chu toàn vai trò trách nhiệm quản lý sự sống mà Ngài đã giao phó. Một điều nữa, chúng ta cần phải hiểu, đó là: “đau bệnh” là một quy luật nằm trong tự nhiên của con người, không ai có thể tránh khỏi và được miễn trừ. Chúng ta thử hình dung một xã hội mà không có người đau bệnh sẽ như thế nào? Liệu có hiểu được tình yêu, bác ái, yêu thương... là gì không? Lời phát biểu của Đức Gioan Phaolô II giữa các bệnh nhân tại Lorrette, ngày 10-12-1994, vẫn còn gây ấn tượng cho tôi: “*Một thế giới không có người bệnh sẽ trở nên nghèo nàn, nghèo hơn về tình nhân ái với đồng loại, nghèo hơn về tình yêu vô vị lợi và thậm chí, đôi khi kém ảnh hưởng*”.³⁴

Thật vậy, mỗi người chúng ta bước vào trần gian mang theo những tiềm năng, đồng thời, những bất toàn trong cuộc sống. Chúng ta có tiềm năng để thăng tiến bản thân và phục vụ thiện ích mọi người; trái lại, những bất toàn của bản thân - xem ra tiêu cực, nó lại là dịp giúp ta khiêm tốn đón nhận tình thần phục vụ của tha nhân. Thật bất hạnh cho ta không có lấy một vài giây dừng lại trước tha nhân và mỉm cười với họ, có một nắm tay để tỏ tình hiệp thông... Những nghĩa cử ấy nếu còn được trân trọng chắc chắn thế giới này sẽ bớt đi những người khổ đau và tuyệt vọng. Con người trong xã hội ngày nay thật giàu có, nhưng họ thực sự bất hạnh vì không có “gi” cho đi. Vì thế, họ nghèo hơn hết mọi người. Nếu những người nghèo khổ trong thế giới hôm nay, cách riêng những người đau khổ, bệnh tật có được sự tôn trọng xứng đáng như một nhân vị thực sự và được chăm sóc bằng một tình yêu chan hòa thì có gì họ tìm đến an tử.

³³ X. GLCG Số 2277.

³⁴ ĐTC Gioan Phaolô II, *Tin Tưởng và Hy Vọng*, số 81.

Thứ đến, con người là một hữu thể tự bản chất là hướng về sự sống chứ không phải chết. Ai trong chúng ta cũng khao khát được sống lâu, dù đang đối diện với căn bệnh thập tử nhất sinh. Chính khao khát ấy truyền dũng khí để con người vượt qua những khó nguy của cuộc đời, ngay cả những lúc đau bệnh tưởng như vô phương cứu chữa, bệnh nhân vẫn ao ước có một phép màu. Do đó, thánh Giáo hoàng Gioan Phaolô II nhấn nhủ:

Sự thỉnh cầu của những người mắc trọng bệnh, tức những người đôi khi đòi được chết, không nên được hiểu là có ý thật lòng ước ao thực thi an tử; thật ra, đó luôn luôn là sự thỉnh cầu thống thiết xin được giúp đỡ và thương yêu, là sự triu mến nhân loại và sự ân cần siêu nhiên, nhờ đó họ có thể được vây quanh và phải được vây quanh bởi tất cả những người thân thiết, cha mẹ, con cái, bác sĩ và y tá³⁵.

Sau hết, điều quan trọng người viết muốn nhấn mạnh: hãy loan tỏa tình thương thay vì tìm giải pháp thích hợp để giải quyết vấn đề “An tử”. Bởi tự bản chất an tử là một điều xấu, đáng ra không nên nghĩ tới. Vậy điều khẩn thiết bây giờ bạn và tôi nên làm là không ngồi đó bàn luận suông mà hãy thể hiện bằng hành động cụ thể. Hãy nhìn vào tấm gương của Mẹ Têrêsa thành Calcutta, một người phụ nữ tâm thường nhưng hành động rất phi thường. Ngài trở nên mẹ của những người nghèo và bất hạnh. Mẹ dựng những mái nhà cho người hấp hối khắp Ấn Độ và nay lan rộng trên toàn thế giới. Nơi đây, bao người đau khổ, bệnh tật được đón nhận; đơn giản là Mẹ muốn cho họ một cái chết an bình (an tử đúng nghĩa). Thật vậy, An tử được hiểu đúng nghĩa khi nó được thực thi bằng một hành động yêu thương, quan tâm, chăm sóc hết tình của mỗi người, nhằm mang lại cho bệnh nhân sự bình yên trong giây phút cuối đời.

KẾT LUẬN

Một lần nữa, người viết xin khẳng định lại lập trường của giáo hội: sự sống con người là một điều thánh thiêng³⁶, bởi vì nó phát xuất từ Thiên Chúa. Tính thánh thiêng của sự sống là phạm trù đầu tiên dẫn vào suy tư về sự hiện hữu của con người. Thánh Kinh cũng đã cẩn thận nhấn mạnh rằng, tính cách thiêng liêng của sự sống con người có cơ sở nơi Thiên Chúa và nơi hành động sáng tạo của Người: “Vì con người được tạo nên theo hình ảnh Thiên Chúa” (St 9, 6). Như vậy, sự sống là một thực tại thánh thiêng, do đó nó cũng mang tính bất khả xâm phạm. Giết chết con người tức là xúc phạm đến chính Thiên Chúa. Chính Thiên Chúa đứng ra bảo vệ sự sống của con người và nghiêm cấm việc sát nhân (x. St 9, 5; Xh 20, 14). Vì thế, điều răn thứ Năm trong mười điều răn nói lên tính bất khả xâm phạm này.

Tính thánh thiêng và bất khả xâm phạm của con người còn phát xuất từ việc chỉ Thiên Chúa mới là chủ tể duy nhất của sự sống và sự sống con người phản ánh tính thánh thiêng và bất khả xâm phạm của chính Thiên Chúa.³⁷ Như vậy, sự sống và sự chết của con người ở trong bàn tay Thiên Chúa, ở trong quyền năng của Người: “*Chính Chúa nắm trong tay hồn của mọi sinh linh và hơi thở của mọi xác thịt người phạm*” (G 12, 10); Chỉ có Người mới có quyền phán:

³⁵ X. Bộ giáo lý Đức Tin, *Tuyên ngôn về An tử* - phần II. Trích từ Trần Mạnh Hùng, *An tử - trợ tử dưới nhãn quan Thần Học Luân Lý*, tr 328.

³⁶ Sách GLHTCG, số 2258.

³⁷ X. Nguyễn Văn Khôi, *Luân lý Kito giáo qua mười điều răn* – quyển 2, Nxb Tôn giáo, Hà Nội 2013, tr 115.

“*Chính Ta làm cho chết và làm cho sống*” (Đnl 32, 39). Giáo hội cũng khẳng định điều này: “Duy chỉ Thiên Chúa là chủ tể sự sống từ khi nó bắt đầu đến lúc nó kết thúc, nên không ai trong bất cứ trường hợp nào có thể đòi cho mình quyền trực tiếp hủy diệt một con người vô tội”³⁸. Tuy nhiên, vì con người được tạo dựng giống hình ảnh Thiên Chúa, nên họ cũng được Người mời gọi và cho tham dự quyền chủ tể của Người đối với sự sống bằng cách yêu mến, tôn trọng, bảo vệ và thăng tiến sự sống trong toàn thể vũ trụ mà Thiên Chúa đã giao phó cho con người quản lý.

Như vậy, hành vi An tử là một hành vi xấu tự bản chất, vì nó đi ngược với sự sống và phẩm giá của con người. Hành vi chấm dứt sự sống của những con người vô tội luôn là một tội ác chống lại cộng đồng nhân loại và là hành vi trái luân lý nghiêm trọng, như luật pháp xã hội xưa nay đã ngăn cấm. Cũng thế, ở mọi cấp độ xã hội, việc hợp pháp hóa hay đề ra những chính sách ngoại lệ về An tử chỉ có thể có hại chứ không có lợi. Cho nên, An tử dù bất cứ dưới hình thức nào đều là xấu.

Còn về phía bệnh nhân, tính thánh thiêng của sự sống con người cũng không cho phép họ tự kết liễu đời mình, vì tự sát là một trọng tội. Cho dù, căn bệnh khiến họ quẫn quai trong cơn đau đớn tột độ, họ vẫn được mời gọi tôn trọng sự sống mình. Tuy nhiên, về vấn đề này, Giáo hội vẫn cho phép bệnh nhân được dùng thuốc giảm đau để trấn át cơn đau, nhưng tuyệt đối phải là thuốc giảm đau không gây ảnh hưởng đến lý trí hay mất ý thức của bệnh nhân.³⁹ Đức Pio II khuyến cáo: “Không được cắt bỏ ý thức của người hấp hối nếu không có lý do nghiêm trọng”. Sau hết, điều người viết xin khẳng định: không ai muốn mình chết thay vì được cứu sống.

Nói như Đức Phaolô II: “Thậm chí ngay cả khi người bệnh xin được chết sớm cũng không có nghĩa họ muốn chết mà thực ra họ đang khẩn thiết kêu xin sự giúp đỡ và yêu thương của chúng ta”.⁴⁰ Nhưng giả như họ xin được chết thực sự, thì thiết nghĩ đó là do lỗi của bạn và tôi. Bởi họ không cảm được tình yêu thương và sự quan tâm thật sự từ chúng ta; do đó, họ cảm thấy sự hiện hữu của họ như một gánh nặng, một sự thừa thãi và xa lạ qua việc bị cách ly về tinh thần và nơi chốn. Chính khi đó, có thể vì vô tình hay hữu ý ta gián tiếp đẩy người thân của chúng ta ra khỏi cuộc đời này trong bất an và cay đắng. Đó là một tội không thể tha thứ.

³⁸ X. Bộ giáo lý Đức Tin, Huấn thị *Donum Vitae*, phần dẫn nhập, 5.

³⁹ X. Tuyên ngôn về *An tử*, trích từ Trần Mạnh Hùng, *An tử - trợ tử dưới nhãn quan Thần Học Luân Lý*, tr 329.

⁴⁰ X. Tuyên ngôn về *An tử*, phần II. Trích từ W. E. May, *Đạo đức sinh học Công giáo và hồng ân sự sống con người*, lưu hành nội bộ 2007, tr 53.

Tài Liệu Tham Khảo

- Gioan Phaolo II, *Tiến về Ngàn Năm Thứ Ba*, Roma 1994, tr 237.
- X. Bộ giáo Lý Đức Tin, *Tuyên Ngôn về An Tử*, phần III. Trích từ Trần Mạnh Hùng, *An tử - trợ tử dưới nhãn quan Thần Học Luân Lý*, tr 329.
- X. Bộ giáo Lý Đức Tin, *Tuyên ngôn về An tử - phần II*. Trích từ Trần Mạnh Hùng, *An tử - trợ tử dưới nhãn quan Thần Học Luân Lý*, tr 328.
- X. Cđ Vatican II, *Gaudium et Spes* số 15-17.
- X. Cđ Vatican II, *Gaudium et Spes*, số 63.
- Đạo đức sinh học*, Nhóm biên soạn, tr 77
- Đức Benedicto XVI, Thông điệp *Spe Salvi*, số 39.
- Đức Gioan Phaolo II, *Tin Tưởng và Hy Vọng*, số 210.
- Đức Benedicto XVI, *Spe salvi*, số 1.
- Đức Gioan Phaolo II, *Tin Mừng Sự Sống*, số 52.
- Đức Gioan Phaolo II, Thông điệp *Tin Mừng Sự Sống*, Số 2.
- X. Đức Benedicto XVI, *Spe salvi*, số 10.
- X. Đức Gioan Phaolo II, *Tiến về ngàn năm thứ ba*, Roma 1994, tr 155.
- Đức Pio XII, *Diễn từ gửi đại học Quốc Tế Chuyên Viên Gây Mê*, 24-11-1957.
- X. Cđ Vatican II, Hiến Chế mục vụ *Vui Mừng và Hy Vọng*, số 18.
- X. Gioan Phaolo II, Thông điệp *Centesimus Annus* (1/5/1991), số 24.
- Gioan Phaolo II, *Tiến về Ngàn Năm Thứ Ba*, Roma 1994, tr 78.
- Gioan Phaolo II, Thông Điệp *Tin Mừng về Sự Sống*, Số 19.
- X. Trần Mạnh Hùng, *An tử - trợ tử dưới nhãn quan Thần Học Luân Lý*, tr 278.
- X. Phạm Văn Tú, *Thực hành y khoa và vấn đề an tử - trợ tử dưới nhãn quan luân lý Công Giáo*, tr 141.
- X. Nguyễn Văn Khôi, *Luân lý Kito giáo qua mười điều răn* – quyển 2, Nxb Tôn giáo, Hà Nội 2013, tr 115.
- X. Phạm Văn Tú, *Thực hành y khoa và vấn đề an tử - trợ tử dưới nhãn quan luân lý công giáo*, An tôn và Đuốc sáng, 2006, tr 96.
- X. Maria Paz Marino, *Cuối Cùng Ta cũng Tự Do*, Bellarmin – desclée de Brouwer, tr 199.
- X. Thánh Bộ giáo Lý Đức Tin, *Tuyên Ngôn An Tử*, phần II. Trích từ Trần Mạnh Hùng, *An tử - trợ tử dưới nhãn quan Thần Học Luân Lý*, tr 328.
- X. Thomas Merton, *Không ai là Một Hòn Đảo*, tr 215 - 216.